

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ BẢO ĐẢM CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

(LEGAL ENVIRONMENT FOR THE DEVELOPMENT OF THE PRIVATE SECTOR IN VIETNAM IN THE NEW ERA)

NGÔ HUY QUANG MINH

Công ty NTQ Solution.

PGS. TS. NGÔ HUY CƯƠNG

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Môi trường pháp lý; môi trường pháp lý kinh doanh; pháp luật về kinh tế tư nhân; pháp luật trong kỷ nguyên mới; mô hình hệ thống pháp luật.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 25/9/2025
Hoàn thành phản biện: 10/11/2025
Duyệt đăng : 20/11/2025

Article Information:

Keywords: Legal environment; legal business environment; private sector law; law in the new era; legal system model.

Article History:

Received : 25 Sep. 2025
Review completed : 10 Nov. 2025
Approved : 20 Nov. 2025

Giới thiệu

Kinh tế tư nhân (KTTN), được đánh giá hoàn toàn đúng đắn, là một động lực quan trọng nhất cho sự phát triển của Việt Nam trong “Kỷ nguyên mới”. Có được môi trường pháp lý kinh doanh tốt và thích hợp với mục tiêu phát triển, điều kiện thực tế và mô hình quản trị quốc gia là một vấn đề nền tảng quan trọng để bảo đảm cho sự phát triển của KTTN.

Tóm tắt:

Kinh tế tư nhân gắn liền và không thể tách rời khỏi nền kinh tế thị trường trong bối cảnh hiện nay ở nước ta. Để bảo đảm cho kinh tế tư nhân phát triển, cần phải tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế và xây dựng được một môi trường pháp lý kinh doanh tốt và thích hợp. Phân tích các đòi hỏi về mặt pháp lý của phát triển kinh tế tư nhân và nền kinh tế thị trường, bài viết đã nghiên cứu đề đi đến khái quát những thành tố cốt yếu của môi trường pháp lý kinh doanh nói chung, đánh giá thực trạng và tìm ra hướng cải cách môi trường pháp lý kinh doanh ở Việt Nam.

Abstract:

In the current domestic context, the private sector is intrinsically linked to and inseparable from the market economy. To ensure the progression of the private sector, it is imperative to remove institutional bottlenecks and establish an optimal, appropriate legal business environment. By analyzing the legal requirements for private sector development and the market economy, this article researches and categorizes the essential components of the general legal business environment; then, it evaluates the current status and proposes orientations for reforming the legal business environment in Vietnam.

Tuy nhiên, việc xây dựng môi trường pháp lý kinh doanh cho KTTN ở Việt Nam cần phải đi trước một bước và thường xuyên cải cách để đồng hành cùng nhau trong suốt chặng đường đi lên của đất nước. KTTN không thể tách rời khỏi môi trường pháp lý dung dưỡng nó.

Vậy, môi trường pháp lý kinh doanh bao gồm những gì, như thế nào được xem là tốt, có hiệu lực, hiệu quả, và hiện trạng của nó ở

Việt Nam ra sao, cần phải cải cách như thế nào để đáp ứng các yêu cầu của Việt Nam trong Kỷ nguyên mới là những câu hỏi mà bài viết này phải trả lời bằng việc sử dụng các phương pháp phân tích pháp lý, phân loại pháp lý, so sánh pháp luật và mô hình hóa các quan hệ xã hội.

1. Những vấn đề pháp lý chủ yếu của một môi trường pháp lý trong nền kinh tế thị trường

Chính sách “Đổi mới” đã được quyết định bởi Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 12/1986, mà tại đó, việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần được thừa nhận và khẳng định, manh nha KTTN. Xuất phát từ đó, qua một hành trình dài đầy gian khó, cho tới nay, KTTN được nhấn mạnh “là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững”¹.

KTTN ngày nay được thế giới nhận thức là có vai trò vô cùng to lớn mang tính quyết định cho sự phát triển của nhân loại nói chung và của từng cá nhân con người nói riêng, mà có thể dẫn ra một vài khẳng định điển hình như sau: “Khu vực KTTN đây sức sống là trung tâm của những cố gắng chấm dứt tình trạng bần cùng và thúc đẩy chia sẻ sự thịnh vượng trên một hành tinh có thể sống được”²; và “Khu vực KTTN đóng vai trò thiết yếu trong phát triển như là một trong những động lực chính cho tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo và

phát triển con người”³. Vì có vai trò, vị trí và ý nghĩa to lớn như vậy, cho nên Ngân hàng Thế giới có khuyến nghị: “Khu vực KTTN phải trở nên năng động và có khả năng chống chịu tốt hơn để đáp ứng những thách thức phát triển to lớn. Chỉ trong thập kỷ tới, thế giới phải tạo ra việc làm cho 44 triệu thanh niên mỗi năm, trong đó 30% là ở châu Phi”⁴.

Việc tìm kiếm đến hạt nhân của sự khác biệt và những đặc trưng của KTTN là một vấn đề vô cùng quan trọng trong việc xây dựng một môi trường pháp lý kinh doanh nhằm bảo đảm cho sự phát triển của nó ở những nước có nền kinh tế chuyển đổi. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lê-nin về sự phù hợp của pháp luật (kiến trúc thượng tầng) với cơ sở hạ tầng cần được lưu ý trong trường hợp này để làm sao pháp luật vẫn chưa bị xóa bỏ của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung không trở thành lực cản cho KTTN.

Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) định nghĩa: “Khu vực KTTN (*the private sector*) là một nguyên lý tổ chức cơ bản của hoạt động kinh tế trong một nền kinh tế dựa trên thị trường, nơi mà quyền sở hữu tư nhân là một yếu tố quan trọng, nơi mà thị trường và cạnh tranh thúc đẩy sản xuất, và sáng kiến cũng như sự chấp nhận rủi ro từ phía tư nhân tạo động lực cho các hoạt động kinh tế. Khu vực tư nhân bao gồm nhiều loại chủ thể thị trường đa dạng, có thể hoạt động trong nền kinh tế chính thức hoặc phi chính thức”⁵.

Tuy nhiên, ở Việt Nam, khái niệm KTTN theo nghĩa rộng và theo nghĩa hẹp được phân biệt. “Xét ở góc độ kinh tế học, KTTN là bộ

¹ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Mục I, điểm 1.

² World Bank Group, *Business Ready*, International Bank for Reconstruction and Development, The World Bank, 2024, p. XIX.

³ Kaori Miyamoto and Emilio Chiofalo, *Development Co-operation for Private Sector Development: Analytical Framework and Measuring Official Development Finance*, OECD DEVELOPMENT CO-OPERATION WORKING PAPER 32, Authorised for publication by Brenda Killen, Deputy Director, Development Co-operation Directorate, March 2017, p. 9.

⁴ World Bank Group, *Business Ready*, International Bank for Reconstruction and Development, The World Bank, 2024, p. XIX.

⁵ UNDP, *Making Markets Work for the SDGs: UNDP's Private Sector Development and Partnership Strategy (2023-2025)*, One United Nations Plaza, New York, NY 10017, USA, 2023, p. 5.

phận kinh tế trong hệ thống cơ cấu kinh tế của một quốc gia được hình thành và phát triển dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất cũng như lợi ích cá nhân⁶. Và hiểu ở nghĩa hẹp, KTTN bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân tồn tại dưới các hình thức kinh doanh nhất định⁷.

Như vậy, quyền sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và mục tiêu tìm kiếm lợi ích cá nhân trong một “cơ chế thị trường” là hạt nhân để xác định KTTN theo hai khái niệm rộng và hẹp này ở Việt Nam. Phân tích chi tiết hơn, có một giải nghĩa về KTTN như sau: Khu vực KTTN được xem là một phần của nền kinh tế do các cá nhân và các công ty nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận và không chịu sự chi phối bởi Nhà nước, mà bao gồm nhiều hình thức kinh doanh, từ các cửa hàng nhỏ ở địa phương cho đến các tập đoàn đa quốc gia với các đặc điểm chính sau: (1) Thuộc quyền sở hữu của các cá nhân hoặc cổ đông; (2) Nhằm mục tiêu chính là tạo ra lợi nhuận cho chủ sở hữu hoặc cổ đông; (3) Vận hành theo thị trường trong môi trường cạnh tranh; (4) Vốn kinh doanh được tài trợ bởi tài sản của tư nhân; và (5) Do chủ sở hữu và nhà đầu tư chịu rủi ro tài chính của doanh nghiệp⁸.

Từ các tìm hiểu trên, có thể thấy quyền sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, phương tiện để nhằm tới mục đích tư lợi và “nền kinh tế thị trường” (chứ không phải là “cơ chế thị trường”) là những vấn đề mấu chốt của sự phát triển KTTN.

Theo cách hiểu phổ biến ở Việt Nam, có một định nghĩa như sau: “*Kinh tế thị trường là một hệ thống kinh tế trong đó việc sản xuất, phân phối và tiêu thụ hàng hóa, dịch*

vụ được điều chỉnh chủ yếu bởi sự tương tác giữa các nhà sản xuất và người tiêu dùng trên thị trường. Trong kinh tế thị trường, quyết định về sản xuất, giá cả và phân phối được hình thành dựa trên sự cạnh tranh, cung - cầu trên thị trường, thay vì do Chính phủ hoặc các tổ chức quyết định trực tiếp”⁹.

Có một giải nghĩa ở nước ngoài mang tính bao quát và đi sâu hơn vào bản chất của kinh tế thị trường như sau: “Kinh tế thị trường là một hệ thống kinh tế được đặc trưng bởi cạnh tranh và thương mại tự do, trong đó quyền sở hữu tư nhân và sự can thiệp tối thiểu của Chính phủ đóng vai trò then chốt. Trong hệ thống này, các lựa chọn cá nhân và lợi ích riêng là động lực thúc đẩy sự vận động của giá cả, sản xuất và cung ứng. Khác với các nền kinh tế kế hoạch hóa, nơi Chính phủ điều tiết các yếu tố này, kinh tế thị trường cho phép chúng phản ứng một cách tự nhiên theo nhu cầu của người tiêu dùng, từ đó có thể dẫn đến hiệu quả và năng suất cao hơn”¹⁰.

Trong suốt một thời kỳ dài từ khi bắt đầu “Đổi mới” (1986), Việt Nam luôn chỉ nhắc tới “cơ chế thị trường” trong phát triển nền kinh tế, rồi mãi tới sau này “nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa” mới được khẳng định. Xây dựng nền kinh tế thị trường trong chính sách của Việt Nam tức là không còn sử dụng “cơ chế thị trường” đơn thuần với tính cách là một loại công cụ để đạt được các mục tiêu kinh tế, mà để xây dựng một “nền kinh tế thị trường” với tính cách là một cấu trúc hệ thống kinh tế toàn diện nhằm quyết định sản xuất và phân phối chủ yếu thông qua thị trường, mà trong đó quyền sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và hoạt động vì mục đích lợi

⁶ Đỗ Phú Trần Tình - Nguyễn Văn Nền (đồng chủ biên), *Sách chuyên khảo Kinh tế tư nhân tại Việt Nam - Hiện trạng và định hướng phát triển*, Nxb. Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2025, tr. 15.

⁷ Đỗ Phú Trần Tình - Nguyễn Văn Nền (đồng chủ biên), *tlđđ*, tr. 16.

⁸ Hinzconsulting, *What is the Private and Public Sector?*, <https://hinzconsulting.com/private-and-public-sector/#:~:text=Private%3A%20Primarily%20driven%20by%20profit,societal%20welfare%2C%20and%20policy%20implementation>, truy cập ngày 8/5/2025.

⁹ PACE, *Kinh tế thị trường là gì? Ưu điểm và nhược điểm của kinh tế thị trường*, <https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/kinh-te-thi-truong-la-gi>, truy cập ngày 8/6/2025.

¹⁰ PACE, *Kinh tế thị trường là gì? Ưu điểm và nhược điểm của kinh tế thị trường*, <https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/kinh-te-thi-truong-la-gi>, truy cập ngày 8/6/2025.

nhuận, cạnh tranh tư nhân được thừa nhận và bảo đảm. Vì vậy, hệ thống này không chỉ bao gồm “cơ chế thị trường”, mà còn bao gồm cả xây dựng pháp luật, thể chế tương thích, thị trường tài chính, đồng thời xác định rõ vai trò của Nhà nước. Tuy nhiên, cũng có lập luận khá thuyết phục, không đồng nhất KTTN hay nền kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản với nhận định “sở hữu tư nhân hay KTTN ra đời từ rất sớm và không đồng nhất với chủ nghĩa tư bản” mặc dù “Chủ nghĩa tư bản có đặc trưng cơ bản là gắn liền với sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và kinh tế tư bản tư nhân”¹¹.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, khi bung ra cho “cơ chế thị trường”, thiếu sự xây dựng hệ thống pháp luật và xây dựng thể chế phù hợp, một cường quốc đã sụp đổ - đó là nước Nga ở thập niên 90 thế kỷ trước¹². Vì vậy, tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế và ưu tiên xây dựng thể chế luôn được nhấn mạnh hiện nay ở Việt Nam. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới “xác định xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên của các bộ, ngành Trung ương”¹³.

Câu hỏi được đặt ra: Tìm kiếm những điểm nghẽn cần tháo gỡ ở đâu, và xây dựng một môi trường pháp lý kinh doanh như thế nào để đáp ứng nhu cầu phát triển của KTTN trong Kỷ nguyên mới?

Có lẽ việc tìm kiếm điểm nghẽn thể chế và xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế cần phải xuất phát từ việc hiểu và phân tích nền kinh tế

thị trường mà Việt Nam muốn xây dựng với các mục tiêu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh đã được đề ra cùng với mô hình quản trị quốc gia dự kiến.

Việc tìm kiếm điểm nghẽn mà hoàn toàn dựa vào thực tiễn kinh doanh hay thực tiễn quản lý nhà nước thì sẽ không thể thành công bởi việc đó mang tính đơn nhất, thiếu tính bao quát, thiếu tính hệ thống và chậm chạp. Cách tìm và tháo gỡ điểm nghẽn như vậy chỉ là một kên, tuy rõ ràng về mặt minh chứng nhưng như trên đã nói là không toàn diện, không có tính hệ thống và sẽ chậm trễ cho việc tháo gỡ những cản trở cho sự phát triển về mặt tổng thể. Vì vậy, chủ động nghiên cứu, tìm tòi để tháo gỡ ngay là điều cần làm hơn. Muốn vậy trước hết phải hiểu về môi trường pháp lý kinh doanh.

Hiện đang có sự đồng thuận ngày càng gia tăng giữa các nhà thực hành và học giả rằng môi trường pháp lý và các thể chế cấu thành nên môi trường đó đóng vai trò quyết định đáng kể đến hiệu suất kinh tế dài hạn của một quốc gia¹⁴. Như vậy, thể chế là một vấn đề trọng yếu của môi trường pháp lý kinh doanh, mà thể chế là một vấn đề được nhấn mạnh ở Việt Nam hiện nay khi bắt đầu bước vào Kỷ nguyên mới. Thể chế được thiết lập không thể tách rời môi trường pháp lý kinh doanh.

Những giải nghĩa về KTTN và nền kinh tế thị trường ở trên đều cho thấy, KTTN chỉ có thể phát triển trong nền kinh tế thị trường. Vì vậy, các vấn đề pháp lý phát sinh trong nền kinh tế thị trường, không thể không được thừa nhận và điều tiết - đó là thừa nhận và bảo vệ quyền sở hữu tư nhân; tự do ý chí; cạnh tranh; giới hạn sự can thiệp của chính quyền vào sinh

¹¹ Nguyễn Mạnh Thắng, *Phát triển kinh tế tư nhân - Chủ trương thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, động lực cho một Việt Nam thịnh vượng*, Tạp chí Cộng sản, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/1111402/phan-trien-kinh-te-tu-nhan---chu-truong-thuc-day-khoi-nghiep%2C-doi-moi-sang-tao%2C-dong-luc-cho-mot-viet-nam-thinh-vuong.aspx>, truy cập ngày 06/08/2025.

¹² Xem: Gregory L. Freeze, *Thời kỳ bất ổn của Liên Xô: Từ cái cách đến tan rã*, Minh Tuệ dịch, Thư viện Nguyễn Văn Hưởng, <https://thuviennguyenvanhuong.vn/thoi-ky-bat-on-cua-lien-xo-tu-cai-cach-den-tan-ra.html>.

¹³ Mục III, điểm 1.

¹⁴ OECD, *Improving the Legal Environment for Business and Investment in Central Asia*, GLOBAL RELATIONS-Eurasia Competitiveness Programme, 2021, p. 21.

hoạt kinh tế của tư nhân; quyền con người... Từ đó, nhiều vấn đề pháp lý khác kéo theo mà buộc Nhà nước phải quan tâm tới trong việc xây dựng môi trường pháp lý kinh doanh.

Tuy nhiên, do có tính chất đa chiều, việc thiết lập một nhận thức chung về môi trường pháp lý cho kinh doanh là một công việc đầy tranh luận¹⁵.

Lấy thương nhân làm trung tâm, và phân tích các yếu tố bên trong, bên ngoài của thương nhân, Paulina Nogal-Meger phân chia các vấn đề của môi trường pháp lý kinh doanh thành ba nhóm sau:

Nhóm thứ nhất, hệ thống pháp luật và các quy định có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trên thị trường (ví dụ: luật công ty, luật cạnh tranh) và trong nội bộ tổ chức kinh doanh (ví dụ: luật lao động, luật kế toán và thuế);

Nhóm thứ hai, các quy định của Hiến pháp (bao gồm những nguyên tắc và quy tắc chung mà Nhà nước - nhân danh toàn xã hội - coi là quan trọng nhất và cần được thực thi; bao gồm cả quyền và nghĩa vụ của công dân);

Nhóm thứ ba, hoạt động tư pháp (đặc biệt là hoạt động của tư pháp dân sự, vì Tòa án giải quyết các vụ việc liên quan đến thương mại hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp)¹⁶.

Nhóm thứ nhất của quan niệm này chỉ ra những vấn đề pháp lý liên quan trực tiếp tới hoạt động kinh doanh tác động tới sự vận hành bên trong của một thực thể kinh doanh và những tác động bên ngoài của thực thể kinh doanh, giống như chức năng đối nội và đối ngoại của một quốc gia. Nhóm thứ hai bao gồm những nguyên tắc nền tảng tạo lập môi trường tương tác giữa các thực thể kinh doanh với nhau, với các thực thể khác và với Nhà nước. Nhóm thứ ba chỉ ra sự bảo vệ cho các lợi ích của thực thể kinh doanh. Việc phân nhóm như vậy được

sự hưởng ứng trong thực tế nghiên cứu về môi trường pháp lý kinh doanh.

Khi nói về môi trường pháp lý cho phát triển KTTN ở Romani, Cheryl W. Gray, Rebecca J. Hanson và Peter G. Ianachkov, trong một công trình nghiên cứu, giới thiệu về hạt nhân lý luận của môi trường pháp lý cho phát triển KTTN như sau: “Khi các nền kinh tế Trung và Đông Âu chuyển từ mô hình kế hoạch hóa tập trung và sở hữu nhà nước sang phát triển hoạt động khu vực tư nhân dựa vào thị trường, họ đang tiến hành những thay đổi toàn diện đối với “luật chơi” – hay nói cách khác, là khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh tế. Ở mức tối thiểu, thị trường đòi hỏi phải có một hệ thống quyền sở hữu và một hệ thống các quy tắc để trao đổi những quyền đó. Do đó, khuôn khổ pháp lý trong một nền kinh tế thị trường cần: (1) Xác định hệ thống quyền sở hữu trong nền kinh tế; (2) Đặt ra các quy tắc về việc các chủ thể tham gia và rút lui khỏi các hoạt động sản xuất; và (3) Thiết lập các quy tắc cho hoạt động trao đổi trên thị trường. Mỗi chức năng này thường liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật”¹⁷.

Từ hạt nhân lý luận này, các học giả đó đã trình bày mô hình môi trường pháp lý kinh doanh bao gồm các thành tố: (i) Luật hiến pháp (quyền hiến định, cơ cấu bộ máy nhà nước, Tòa án hiến pháp, các nguyên tắc của chế độ kinh tế); (ii) Vật quyền (quyền sở hữu đất đai, hạn chế và chuyển nhượng đất đai, giải quyết đất trống, quyền bề mặt, công trình xây dựng...); (iii) Quyền sở hữu trí tuệ (sáng chế, nhãn hiệu, quyền tác giả, thực thi quyền sở hữu trí tuệ...); (iv) Thực thể kinh doanh (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và các hình thức khác, thủ tục thành lập công ty, đầu tư nước ngoài, ưu đãi đầu tư); (v) Hợp đồng; (vi) Phá sản; (vii) Cạnh tranh, chống độc quyền;

¹⁵ OECD, *Improving the Legal Environment for Business and Investment in Central Asia*, GLOBAL RELATIONS-Eurasia Competitiveness Programme, 2021, p. 21.

¹⁶ Paulina Nogal-Meger, *The Quality of Business Legal Environment and Its Relation with Business Freedom* (pp. 111- 136), International Journal of Contemporary Management, Volume 17 (2018) Number 2, p. 115.

¹⁷ Cheryl W. Gray, Rebecca J. Hanson, Peter G. Ianachkov, *Romania's Evolving Legal Framework for Private Sector Development* (pp. 617- 647), American University International Law Review, Volume 7/Issue 3, Article 9, 1992, p. 617.

(viii) Tư pháp; (ix) Trọng tài thương mại; (x) Luật sư; và (xi) Đào tạo luật¹⁸.

Cũng với cách thức tiếp cận như vậy, khi nghiên cứu về môi trường pháp lý kinh doanh của Czech, Cheryl W. Gray giới thiệu những nét lớn nhất của môi trường này như sau: “Để phát triển mạnh mẽ, khu vực KTTN mới nổi này cần có một khuôn khổ pháp lý rõ ràng, thiết lập các quy tắc tản quyền cho “cuộc chơi”, đồng thời thực hiện một số chức năng cơ bản của thị trường như:

- 1) Xác định hệ thống các vật quyền;
- 2) Thiết lập khuôn khổ để trao đổi các quyền đó;
- 3) Đặt ra các quy tắc cho việc gia nhập và rút lui của các chủ thể khỏi các hoạt động kinh doanh;
- 4) Bảo đảm rằng cấu trúc tổng thể của thị trường và các quy tắc trao đổi trên thị trường thúc đẩy cạnh tranh”¹⁹.

Và cũng với cơ cấu như trên khi bàn về môi trường pháp lý Romani, học giả này nói về môi trường pháp lý kinh doanh của Czech.

Cách tiếp cận và chỉ ra phạm vi của môi trường pháp lý kinh doanh như vậy (tuy không rộng nhưng rõ ràng) là cách thức đi dọc theo hệ thống pháp luật như khi nghiên cứu luật so sánh ở phạm vi so sánh vĩ mô.

Tuy nhiên, có thể vì một mục đích riêng biệt, người ta quan niệm môi trường pháp lý kinh doanh trong một khuôn khổ nhất định hẹp hơn. Ví dụ: Trong khuôn khổ Dự án “Cải thiện môi trường pháp lý cho kinh doanh ở Trung Á”, khái niệm “môi trường pháp lý” bao gồm các lĩnh vực chính sách, hành chính, quy định và các lĩnh vực pháp lý khác có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp²⁰.

Có một vấn đề học thuật được thể hiện rất rộng rãi trong các ấn phẩm mang tên “Business Law” ở các nước theo truyền thống Common Law - đó là xem phạm vi của môi trường pháp lý kinh doanh rất rộng, bao gồm hầu như toàn bộ các vấn đề pháp lý có thể tác động vào đời sống kinh doanh mà chúng là đối tượng nghiên cứu của mọi ngành luật tương ứng, nếu nhìn từ truyền thống Civil Law hoặc truyền thống Soviet Law, như Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Lao động, Luật Quốc tế, ngoài ra còn bao gồm cả những vấn đề như nhận thức về pháp luật và sử dụng pháp luật...

Vì vậy, bài viết này tiếp cận giới thiệu môi trường pháp lý kinh doanh theo nghĩa rộng nhất để hướng tới xây dựng mô hình hệ thống pháp luật và đào tạo luật học cho mục đích phát triển KTTN ở Việt Nam. Tác giả của bài viết đã giới thiệu định nghĩa khái niệm này trong một công trình đã công bố như sau: “Môi trường pháp lý kinh doanh là một thuật ngữ chỉ tổng thể các nguyên tắc và quy tắc pháp luật của cả luật công và luật tư cùng với việc thực hiện và thi hành chúng nhằm bảo đảm cho quá trình tổ chức, hoạt động, chấm dứt kinh doanh có hiệu quả theo những định hướng phù hợp với một hoàn cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường tự nhiên của một đất nước nhất định. Như vậy, môi trường pháp lý kinh doanh bao gồm nhiều luật lệ và nhiều yếu tố liên quan tới thực thi, tới chính sách và các khu vực phát triển khác nhau”²¹.

Một môi trường pháp lý vững mạnh có thể kích thích hoạt động của khu vực tư nhân bằng cách mang lại sự bảo đảm và tính dự đoán đối với quyền sở hữu tài sản, tạo ra sự ổn định trong quy định cần thiết cho việc ra quyết định dài hạn, đồng thời bảo đảm rằng,

¹⁸ *Ibid.*

¹⁹ Cheryl W. Gray, *The Legal Framework for Private Sector Activity in the Czech Republic* (pp. 271- 299), *Vanderbilt Law Review*, Volume 26, Issue 2- May 1993, Article 3, p. 272.

²⁰ OECD, *Improving the Legal Environment for Business and Investment in Central Asia*, GLOBAL RELATIONS-Eurasia Competitiveness Programme, 2021, p. 21.

²¹ Ngô Huy Cương, *Pháp luật Việt Nam trước yêu cầu phát triển bền vững*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 23 (502), kỳ 1 - 12/2024, tr. 12.

không chịu sự chi phối quá mức từ chính trị, các yếu tố đầu vào như vốn và lao động sẽ được sử dụng hiệu quả hơn²².

Những câu hỏi trọng tâm của việc xây dựng môi trường pháp lý kinh doanh nhằm bảo đảm cho phát triển KTTN ở Việt Nam, bao gồm:

Quyền tư hữu phải được thừa nhận và bảo vệ như thế nào?

Tự do ý chí có được thực sự tôn trọng và đề cao không?

Ai được hưởng những quyền lợi về thương mại?

Những người được hưởng quyền lợi về thương mại được đối xử như thế nào?

Cạnh tranh được duy trì và kiểm soát như thế nào?

Gia nhập thị trường và rút khỏi thị trường được điều chỉnh như thế nào?

Cơ hội tiếp cận vốn, lao động và công nghệ như thế nào?

Hợp tác quốc tế có được tạo điều kiện thuận lợi và an toàn không?

Bảo vệ cho các quan hệ kinh tế như thế nào?

Kinh doanh có bị những nhiễu loạn không?

Tranh chấp có được giải quyết nhanh chóng, bảo đảm công bằng và tiệm cận công lý không?

Môi trường pháp lý kinh doanh trước hết phải được tạo lập thông qua kỹ thuật pháp lý mà trung tâm của nó là cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật, tức là nơi chứa đựng sự phân loại các vấn đề pháp lý phát sinh bởi nhu cầu điều tiết các quan hệ xã hội hướng tới những mục tiêu nhất định. Các khái niệm pháp lý có vai trò nền tảng trong đó và được thể hiện thông qua những thuật ngữ pháp lý. Có những khái niệm thể hiện vai trò điểm chốt trong sự phân loại. *Chẳng hạn*: (1) Con người chỉ có thể

sống theo đúng nghĩa khi nhu cầu vật chất và tinh thần được đáp ứng, nên phản ánh về mặt pháp luật, người ta chia các quan hệ xã hội gắn với đời sống thường nhật của con người thành hai loại để điều tiết - đó là quan hệ nhân thân (có ý nghĩa tinh thần), và quan hệ tài sản (có ý nghĩa kinh tế mà được phát triển từ nền tảng vật chất); (2) Các quan hệ xã hội có tính cách kinh tế được pháp luật điều chỉnh được chia thành hai loại chủ yếu là “vật quyền” (quan hệ giữa người và vật, tức một chủ thể của quyền đã được xác định với một đối tượng của quyền), và “trái quyền” (quan hệ giữa người và người, tức quan hệ giữa chủ nợ và con nợ xác định); và (3) Thương nhân được chia thành hai loại “thương nhân thể nhân” (cá nhân kinh doanh) và “thương nhân pháp nhân” (công ty)...

Vì vậy, cũng từ đó có một câu hỏi quan trọng được đặt ra: Pháp luật phải điều tiết như thế nào để duy trì sự sống cho con người trong một xã hội hay trong một cộng đồng mà tại đó việc đáp ứng cho các nhu cầu ngày càng gia tăng của họ rất khó khăn? Câu hỏi này là câu hỏi xuyên suốt lịch sử phát sinh và phát triển của loài người. Nếu không có được sự đáp ứng đó thì an ninh, an toàn của từng con người không được bảo đảm và bản thân xã hội hay cộng đồng đó sẽ khó mà tồn tại yên bình. Thấu hiểu ý nghĩa tận cùng đó, phát triển KTTN tức là mang lại cho mỗi người một cơ hội tìm kiếm được một hay nhiều phương tiện kiếm sống trong môi trường cạnh tranh có kiểm soát để bằng sự nỗ lực lớn nhất của bản thân mỗi người nhằm thỏa mãn nhu cầu của mình, của gia đình mình và qua đó đóng góp cho sự phát triển của xã hội. Câu hỏi này là câu hỏi xác định cốt lõi của môi trường pháp lý kinh doanh.

Thông thường nghiên cứu về hệ thống pháp luật hay môi trường pháp lý, người ta thường tiến hành theo chiều dọc bám theo cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật hay các chế định pháp luật. Nhưng trong thực tiễn giải quyết tranh chấp, sau khi tiếp cận theo

²² OECD, *Improving the Legal Environment for Business and Investment in Central Asia*, GLOBAL RELATIONS-Eurasia Competitiveness Programme, 2021, p. 21.

chiều dọc để xác định được quan hệ pháp luật bị tranh chấp, người ta lại tìm giải pháp giải quyết tranh chấp theo mặt phẳng chiều ngang với từng phạm vi được thể hiện như các vòng tròn to dần, như khi ném hòn đá xuống mặt nước bằng phẳng, các vòng sóng lan dần, rộng ra, bắt đầu từ chỗ hòn đá rơi xuống. Lấy cảm hứng từ nguyên lý “trong trước, ngoài sau” khi áp dụng luật, bài viết tiếp cận nghiên cứu, mô tả môi trường pháp lý kinh doanh theo phạm vi từ gần gũi cho tới xa dần.

Để xác định cái lỗi hay phạm vi gần gũi nhất của môi trường pháp lý kinh doanh, chúng ta cần xác định kinh doanh là gì.

Thông thường người ta định nghĩa khái niệm kinh doanh theo hai cách: *Cách thứ nhất*, xác định bản chất pháp lý của “kinh doanh” để xem nó là một loại hành vi pháp lý, rồi gọi nó là “hành vi thương mại”, “hành vi kinh doanh” hay “hành vi kinh tế”, thậm chí gọi nó là “hoạt động” (ít có ý nghĩa pháp lý) và gắn thêm vào đó những tính từ như đã sử dụng gắn vào thuật ngữ “hành vi” nói trên. *Cách thứ hai*, xác định “kinh doanh” như một nghề nghiệp hay một loại hoạt động của con người, đồng thời chỉ ra mục đích của nó trong mối quan hệ với những người khác. Chẳng hạn: “Thuật ngữ “kinh doanh” (business) đề cập đến một tổ chức hoặc một thực thể mang tính doanh nhân thực hiện các hoạt động thương mại, công nghiệp hoặc nghề nghiệp. Mục đích của hoạt động kinh doanh là nhằm thúc đẩy một dạng sản xuất kinh tế nào đó về hàng hóa hoặc dịch vụ. Doanh nghiệp có thể là các tổ chức vì lợi nhuận hoặc tổ chức phi lợi nhuận với sứ mệnh từ thiện hoặc nhằm thúc đẩy một mục tiêu xã hội. Các hình thức kinh doanh có thể đa dạng về quy mô và phạm vi, từ doanh nghiệp tư nhân cá thể cho đến các tập đoàn quốc tế lớn. “Kinh doanh” cũng đề cập đến những nỗ lực và hoạt động do cá nhân thực

hiện nhằm sản xuất và bán hàng hóa, dịch vụ nhằm thu lợi nhuận”²³.

“*Giáo trình Luật Kinh tế Việt Nam*” của Khoa Luật, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội không quan tâm đến chủ thể của hành vi nên chỉ ra ba dấu hiệu mà một hành vi được xem là “hành vi kinh doanh”, đó là: (1) Hành vi phải có tính chất nghề nghiệp; (2) Hành vi phải diễn ra trên thị trường; và (3) Hành vi phải có mục đích kiếm lời²⁴.

Tuy nhiên, trong bài viết này, kinh doanh được hiểu là một quá trình cố gắng làm tăng trưởng một khối tài sản dựng sẵn cho quá trình này bởi một cá nhân hay bởi một cấu trúc pháp lý nhằm mục đích hưởng lợi cho bản thân hoặc phục vụ người khác, được tiến hành bằng cách cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ ra thị trường.

Những vấn đề pháp lý liên quan trực tiếp xuất hiện từ đó bao gồm quyền sở hữu, quyền kinh doanh, hành vi pháp lý. Nhưng không thể thiếu sự tác động của pháp luật tới các mối quan hệ giữa những người ngang hàng hay bình đẳng với nhau (trong nước, quốc tế) và giữa người bị trị và người cai trị. Mặc dù hiện nay người ta đánh giá thực thể kinh doanh là một yếu tố phổ biến trong hầu hết các lĩnh vực pháp luật, và do đó, thực thể kinh doanh đóng vai trò trung tâm trong việc hình thành và tiếp nhận pháp luật²⁵, nhưng vẫn có thể có những lĩnh vực pháp luật không hoàn toàn gần gũi với kinh doanh, chẳng hạn: bầu cử, nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ cấp dưỡng trong gia đình... Việc suy tính tới kinh doanh có trách nhiệm có thể có đòi hỏi mở rộng thêm các lĩnh vực pháp luật có thể can thiệp vào kinh doanh.

Vì vậy, môi trường pháp lý kinh doanh có thể được chia thành các vòng phạm vi như sau:

+ *Vòng phạm vi thứ nhất* là vùng lõi lấy

²³ Adam Hayes, *What Is a Business? Understanding Different Types and Company Sizes*, <https://www.investopedia.com/terms/b/business.asp>, Updated May 15, 2025.

²⁴ Khoa Luật - Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, *Giáo trình Luật Kinh tế Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 42-43.

²⁵ Gregory C. Shaffer, *How Business Shapes Law: A Socio-Legal Framework* (pp. 147-183), Connecticut Law Review, Volume 42, November 2009, Number 1, p. 149.

luật tài sản, luật hợp đồng và luật thương mại, luật lao động làm chính yếu.

+ *Vòng phạm vi thứ hai* là vùng thiết lập các điều kiện hỗ trợ và kiểm soát kinh doanh, bao gồm (nhưng không chỉ bao gồm) các nguyên tắc và quy tắc của luật công, kể cả luật hình sự, nhất là luật tài chính công.

+ *Vòng phạm vi thứ ba* là vùng bảo vệ các quan hệ kinh doanh bằng việc giải quyết hay tác động vào các tranh chấp.

2. Thực trạng và cải cách môi trường pháp lý kinh doanh của Việt Nam

Nền kinh tế của Việt Nam đã trải qua các bước “vừa ném đá vừa dò đường” mà có thể tóm lược tư tưởng và thực hành như sau: *đầu tiên*, thừa nhận các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa (XHCN) được tồn tại và hoạt động dưới sự dẫn dắt của thành phần kinh tế XHCN; *roì* khẳng định KTTN được tiếp tục phát triển trong những ngành nghề có lợi cho quốc kế dân sinh; *roì tới* tạo động lực cho KTTN phát triển trong nông nghiệp để bước đầu sản xuất hàng hóa; *tiếp đó* khẳng định KTTN được phát triển trong lĩnh vực sản xuất dưới sự quản lý, dẫn dắt của Nhà nước; *roì tiến tới* khẳng định việc đối xử bình đẳng với KTTN như các thành phần kinh tế khác và tạo điều kiện cho các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư lâu dài; *roì chuyển sang* bước đột phá khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân kinh doanh trong mọi lĩnh vực không bị cấm; *để roì* coi phát triển KTTN là chiến lược lâu dài phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN; và *roì coi* KTTN là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế; *tiếp đến*, KTTN là một cấu thành không thể thiếu và có vị trí đặc biệt trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN²⁶. Cho đến nay, KTTN là một

động lực quan trọng nhất của nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.

Thực tế hiện nay, KTTN ở Việt Nam dẫn đầu về số lượng nhưng còn hạn chế về quy mô, năng lực phát triển và khả năng cạnh tranh, nhất là cạnh tranh quốc tế, thiếu vắng doanh nghiệp đầu đàn dẫn dắt ngành, lĩnh vực, đổi mới công nghệ thấp²⁷.

Để thúc đẩy KTTN phát triển, trước hết phải tạo ra được một môi trường pháp lý kinh doanh thích hợp và lành mạnh. Nhận định về vai trò, vị trí và ý nghĩa của môi trường pháp lý kinh doanh ở những nước đang phát triển, Ngân hàng Thế giới khẳng định các thách thức của thời đại “nằm ngoài khả năng giải quyết đơn độc của các Chính phủ” và đặt câu hỏi: “Bất kỳ kế hoạch khả thi nào nhằm vượt qua chúng đều sẽ phụ thuộc vào một hình thức phát triển khu vực tư nhân cụ thể - một hình thức có thể huy động vốn tư nhân và tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp, doanh nhân, người lao động và toàn xã hội. Điều đó đòi hỏi phải trả lời một số câu hỏi then chốt: Chính xác thì đâu là các yếu tố của môi trường kinh doanh có thể mang lại những lợi ích như vậy? Những nền kinh tế nào đã làm tốt nhất trong việc tạo ra môi trường đó, và các quốc gia khác có thể học hỏi ra sao? Những chính sách nào cần được ban hành hoặc tăng cường? Chính sách nào cần được loại bỏ dần?”²⁸

Đây là những câu hỏi đặt ra cho quản trị quốc gia nhưng đồng thời là những câu hỏi liên quan tới việc xây dựng môi trường pháp lý kinh doanh.

Về tổng thể, môi trường pháp lý kinh doanh ở Việt Nam dựa hoàn toàn vào kết quả của hoạt động xây dựng pháp luật. Thế nhưng pháp luật được làm ra như vậy có những nhược điểm chủ yếu sau đây:

²⁶ Xem: Nguyễn Bảo Thư, *Chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực kinh tế quan trọng*, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn/chu-truong-cua-dang-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-tro-thanh-dong-luc-kinh-te-quan-trong-6546.html>, truy cập ngày 13/11/2024.

²⁷ Đỗ Phú Trần Tinh - Nguyễn Văn Nên (đồng chủ biên), t.lđd, tr. 164.

²⁸ World Bank Group, *Business Ready*, International Bank for Reconstruction and Development, The World Bank, 2024, p. XIX.

Thứ nhất, pháp luật chưa đồng bộ, còn thiếu tính thống nhất.

Ngay trong vùng lõi của môi trường pháp lý kinh doanh hai chế định rất gần nhau, đan xen lẫn nhau trong cùng ngành luật thương mại, nhưng khi chúng được hai đạo luật khác nhau thể hiện lại có quan điểm trái ngược nhau hoàn toàn. Đó là trường hợp Luật Thương mại năm 2005 thừa nhận và đưa ra giải pháp cho thương nhân thực tế (Điều 7). Trong khi đó Luật Doanh nghiệp năm 2005 không thừa nhận và cấm thương nhân thực tế (khoản 2 Điều 11). Quy định cấm này của Luật Doanh nghiệp năm 2005 được duy trì trong các đạo luật doanh nghiệp về sau này, kể cả Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Vậy là Luật Thương mại năm 2005 đưa ra giải pháp bảo vệ người thứ ba ngay tình, Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì không.

Bộ luật Dân sự năm 2015 được xem là đạo luật nền tảng của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhưng quy định về nguồn pháp luật và thứ tự ưu tiên áp dụng các nguồn pháp luật (Điều 6) thiếu bao quát, trong khi Luật Thương mại năm 2005 quy định phù hợp với nhận thức chung của thế giới hơn khi quy định áp dụng thói quen ứng xử (Điều 12).

Thứ hai, pháp luật bị phân mảnh để xây dựng dẫn đến sự thiếu hợp lý và chưa bảo đảm tính khoa học.

Cũng chỉ cần với hai đạo luật thương mại nói trên làm ví dụ cũng đủ để minh chứng cho nhận định này.

Ngành Luật Thương mại có ba đại chế định là thương nhân; hành vi thương mại; và phá sản. Thế nhưng ba đại chế định này chủ yếu được quy định tại ba đạo luật khác nhau. Luật Doanh nghiệp không phản ánh đúng tính chất pháp lý của “thương nhân”, không bao gồm đầy đủ những gì gọi là “thương nhân” trong đó. Đạo luật được gọi là “Luật Doanh nghiệp”, nhưng chỉ có mỗi một hình thức kinh doanh dùng tên là “doanh nghiệp” - đó là “doanh nghiệp tư nhân” (nhưng bản thân tên

này cũng là một tên gọi chưa chính xác, không phản ánh đúng tính chất pháp lý), trong khi đó các hình thức kinh doanh khác trong đạo luật này đều được gọi đúng là “công ty” (công ty hợp danh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn). Về pháp lý, thương nhân bao gồm hai loại là thương nhân thể nhân (chính là cá nhân kinh doanh) và thương nhân pháp nhân (công ty). Vì nhìn nhận chưa thấu đáo tính chất pháp lý, đạo luật này mới chỉ quy định về “doanh nghiệp tư nhân” có bản chất là thương nhân thể nhân, còn “hộ kinh doanh” cũng có bản chất là thương nhân thể nhân thì để lại cho văn bản dưới luật quy định như một hình thức kinh doanh khác.

Hệ quả kéo theo là khi nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển KTTN, chúng ta chỉ nghĩ tới phát triển cái gọi là “doanh nghiệp”, còn hầu như bỏ qua “hộ kinh doanh”, và cứ loay hoay xem làm thế nào để bắt “hộ kinh doanh” xin chuyển đổi thành “doanh nghiệp”, trong khi quy mô và doanh thu của một số “hộ kinh doanh” còn lớn hơn nhiều “doanh nghiệp”. Trong khi đó “hộ kinh doanh” và “doanh nghiệp tư nhân” có bản chất hoàn toàn giống nhau - đó chính là cá nhân kinh doanh hay thương nhân thể nhân. Vấn đề này đã được Luật Thương mại năm 1997 (Điều 17) giải quyết, nhưng các quy định pháp luật liên quan sau này đã có sự thay đổi.

Việc “hộ kinh doanh” không muốn chuyển thành “doanh nghiệp” là do chính “thiếu sót” này, cùng với đó là quy định một chế độ thuế khóa riêng cho “hộ kinh doanh”, nhưng chủ thể này lại không được hưởng quy chế phá sản.

Phát triển KTTN mà các quy định lỗi trực tiếp, quan trọng nhất tạo lập nên KTTN bị nhận thức như vậy thì nên có sự cải cách.

Thứ ba, kỹ thuật pháp lý còn nhiều hạn chế.

Điển hình nhất là các quy định về vật quyền trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sự chuyển đổi, ở nước ta hiện nay, từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường (định hướng XHCN) là hệ quả của cuộc cách mạng XHCN, tức một cuộc

cách mạng có bản chất pháp lý là cách mạng về sở hữu nhằm thiết lập một chế độ công hữu hóa toàn bộ tư liệu sản xuất để kế hoạch hóa toàn bộ nền kinh tế quốc dân, nhằm bảo đảm cho quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội theo kinh tế - chính trị Mác - Lênin là thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của Nhân dân lao động trên những nền tảng mà đã được diễn giải tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 của Hiến pháp năm 1980. Vì vậy, tầng lớp thương nhân không thể tồn tại và phát triển bởi toàn bộ tư liệu sản xuất thiết yếu đều thuộc sở hữu toàn dân, thủ tiêu quyền tư hữu đối với tư liệu sản xuất. Bởi thế, khi chuyển lại sang nền kinh tế thị trường, trước đòi hỏi phải phát triển tầng lớp thương nhân, thì quyền sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất phải được thừa nhận và bảo vệ. Việc thừa nhận và bảo vệ quyền sở hữu tư nhân không chỉ đơn thuần là việc quy định xác nhận quyền đó, công nhận quyền đó lâu dài và quy định ngăn cấm việc vi phạm quyền đó. Quyền sở hữu chỉ có thể được bảo vệ chắc chắn khi được quy định rành mạch và có tính hệ thống về vật quyền. Do vậy, theo nghĩa rộng, hệ thống các quy định của pháp luật về vật quyền và các quyền tài sản khác cần được xem trọng và đầu tư thích đáng trong việc thiết lập môi trường pháp lý kinh doanh.

Trong khi Bộ luật Dân sự năm 2015 tại Điều 160 (khoản 1, đoạn 1) khẳng định nguyên tắc vật quyền xác định. Nhưng trước đó các quyền khác đối với tài sản (tức các vật quyền ngoài quyền sở hữu) được liệt kê tại khoản 2 Điều 159 của Bộ luật này chỉ xác định có ba quyền (quyền địa dịch, quyền hưởng dụng và quyền bề mặt). Các loại vật quyền ngoài quyền sở hữu không được quy định rành mạch, rõ ràng có ảnh hưởng tới bảo vệ quyền sở hữu và thậm chí ảnh hưởng tới trật tự công. Đó là chưa kể đến những định nghĩa khái niệm nền tảng cũng có vấn đề, ví dụ như định nghĩa về nghĩa vụ, về đề nghị giao kết hợp đồng...

Trong khuôn khổ có hạn, bài viết này chỉ lấy những ví dụ nhỏ, để tiếp cận để luận

chứng cho những nhận định. Việc phân tích chuyên sâu những nhược điểm và những hạn chế pháp lý để dành cho nghiên cứu xây dựng từng đạo luật.

Nguyên nhân chính của những nhược điểm trong công tác xây dựng pháp luật bao gồm:

+ *Nguyên nhân thứ nhất*, chưa hoàn thiện mô hình hệ thống pháp luật và hệ thống quản trị quốc gia.

+ *Nguyên nhân thứ hai*, chưa sử dụng hiệu quả được chuyên gia pháp lý thực sự và có nhiệt tâm trong xây dựng pháp luật.

+ *Nguyên nhân thứ ba*, đào tạo luật ở Việt Nam chưa đúng trọng tâm là kiến thức luật học, mà còn nặng về diễn giải lại các quy định đầy nhược điểm của pháp luật.

Để xây dựng được một môi trường pháp lý kinh doanh tốt và thích hợp cho phát triển KTTN ở Việt Nam hiện nay, cần phải cải cách ngay hệ thống pháp luật và đặc biệt chú ý tới các chế định pháp luật nằm ở vùng lõi của môi trường pháp lý kinh doanh, với một mô hình hệ thống pháp luật và với đầu não điều tiết trong quản trị quốc gia đã được thiết lập. Bên cạnh đó, cần cải cách tư pháp thêm một bước nữa. Thiếu tư pháp tốt, không thể có một môi trường kinh doanh tốt.

Kết luận

Phát triển KTTN đòi hỏi phải có một môi trường pháp lý kinh doanh tốt và thích hợp. Các thành tố của môi trường này được xây dựng xuất phát từ những vấn đề pháp lý phát sinh từ chính KTTN và nền kinh tế thị trường. Môi trường này có thể có nhiều cách thức phân tích hoặc tiếp cận khác nhau, nhưng phải được đặc biệt chú ý tới vùng lõi của nó bao gồm các chế định pháp luật liên quan trực tiếp tới điều tiết KTTN. Việt Nam là nước có nền kinh tế chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, do đó khi tiến hành xây dựng môi trường pháp lý kinh doanh phải đặc biệt chú ý tới mô hình hệ thống pháp luật và mô hình quản trị quốc gia ■